

Số: 14/2018/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 18 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 643/TTr-SXD ngày 27/2/2018 và Báo cáo số 1414/BC-SXD ngày 09/5/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2018 và thay thế Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 21/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương; Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP; Bộ XD;
- Cục kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- TT TU; TT HĐND;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT;
- Như điều 3;
- TT Công báo, Website tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, Km, Thăng, TH;
- Lưu: VT. *2* *AT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

QUY ĐỊNH

Phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương, Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng có trách nhiệm quản lý đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị) trên địa bàn hành chính tỉnh. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như sau:

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.
2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.
3. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.
4. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành.
5. Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a và c Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Quy định này).

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a, c, d và đ Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Quy định này).

c) Đối với các dự án PPP: chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ); góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a, c, d và đ Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).

d) Đối với dự án sử dụng vốn khác: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75 m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 5 của Quy định này).

6. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: chủ trì thẩm định các nội dung theo quy định tại các Điểm c, d, đ và e Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

c) Đối với dự án sử dụng vốn khác: chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại các Điểm c và d Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75 m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng

đối với công trình cấp II, cấp III nằm trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm b Khoản 2 Điều 5 của Quy định này).

7. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình từ cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a và c Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Quy định này).

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình từ cấp III trở lên được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Quy định này).

c) Đối với dự án sử dụng vốn khác: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm c Khoản 2 Điều 5 của Quy định này).

8. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc đối tượng quy định tại các Điểm b, c và d Khoản 1 Điều 32 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra quy định tại các Điểm a và b Khoản 2 Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 5 và Khoản 6 Điều 8 của Quy định này).

9. Kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình trên địa bàn tỉnh từ cấp II trở xuống (trừ các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 5 của Quy định này).

10. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình quy định tại Khoản 5 Điều 5 của Quy định này).

11. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ các công trình quy định tại Khoản 6 Điều 5 của Quy định này).

12. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh từ cấp II trở lên (trừ các công trình quy định tại Khoản 7 Điều 5 của Quy định này). Theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố công trình xây dựng trên địa bàn.

13. Cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực và công bố thông tin năng lực của các cá nhân, tổ chức hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh lên trang thông tin điện tử do mình quản lý.

14. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

15. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng định kỳ hằng năm và đột xuất; báo cáo danh sách các đơn vị vi phạm quy định về chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

a) Sở Công Thương có trách nhiệm quản lý đối với công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý).

b) Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm quản lý đối với công trình giao thông trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý).

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

b) Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở:

- Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a và c Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Quy định này).

- Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a, c, d và đ Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ

sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Quy định này).

- Đối với các dự án PPP: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ); góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a, c, d và đ Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).

- Đối với dự án sử dụng vốn khác: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 5 của Quy định này).

c) Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

- Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

- Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: chủ trì thẩm định các nội dung theo quy định tại các Điểm c, d, đ và e Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

- Đối với dự án sử dụng vốn khác: chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại các Điểm c và d Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III nằm trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm b Khoản 2 Điều 5 của Quy định này).

d) Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

- Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a và c Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Quy định này).

- Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của

công trình từ cấp III trở lên được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và điểm b khoản 5 Điều 8 của Quy định này).

- Đối với dự án sử dụng vốn khác: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Điểm c khoản 2 Điều 5 của Quy định này).

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc đối tượng quy định tại các Điểm b, c và d Khoản 1 Điều 32 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra quy định tại các Điểm a và b Khoản 2 Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 5 và Khoản 6 Điều 8 của Quy định này).

e) Kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình trên địa bàn tỉnh từ cấp II trở xuống (trừ các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 5 của Quy định này).

g) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình quy định tại khoản 5 Điều 5 của Quy định này).

h) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ các công trình quy định tại Khoản 6 Điều 5 của Quy định này).

i) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình xây dựng từ cấp II trở lên trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình quy định tại Khoản 7 Điều 5 của Quy định này).

k) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Xây dựng để tổng hợp tình hình về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

Điều 5. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương, Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam – Singapore

1. Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghiệp do mình quản lý.

2. Thẩm định thiết kế xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác:

a) Thẩm định thiết kế cơ sở: chủ trì tổ chức thẩm định với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75 m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trong khu công nghiệp do mình quản lý (trừ các dự án thuộc thẩm

quyền thẩm định quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).

b) Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại các Điểm c và d Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75 m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trong khu công nghiệp do mình quản lý (trừ các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).

c) Thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước): chủ trì tổ chức thẩm định công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trong khu công nghiệp do mình quản lý (trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc đối tượng quy định tại các Điểm c và d Khoản 1 Điều 32 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra quy định tại các Điểm a và b Khoản 2 Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP) được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp do mình quản lý.

4. Kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình từ cấp II trở xuống được xây dựng trong khu công nghiệp do mình quản lý.

5. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng trong các khu công nghiệp do mình quản lý.

6. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp trong khu công nghiệp do mình quản lý.

7. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình xây dựng được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp do mình quản lý.

8. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp tình hình về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

Điều 6. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh

1. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, các nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do mình quản lý.

2. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Xây dựng để tổng hợp tình hình chất lượng công trình xây dựng do mình quản lý định kỳ hằng năm và đột xuất.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý chất lượng công trình do mình quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư, nhà ở riêng lẻ, công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Phân công phòng có chức năng quản lý về xây dựng thực hiện công tác thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư:

a) Dự án nhóm C (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông ngoài đô thị thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Giao thông và Vận tải và công trình quy định tại Khoản 4 Điều này).

b) Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ các công trình quy định tại Khoản 4 Điều này).

3. Trường hợp phòng có chức năng quản lý về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định thì yêu cầu chủ đầu tư trình thẩm định tại Sở quản lý xây dựng chuyên ngành.

4. Trường hợp đối với công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP thì yêu cầu chủ đầu tư trình thẩm định tại Sở quản lý xây dựng chuyên ngành.

Giao Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh Ban hành quy định về các khu vực cửa ngõ đô thị, trục không gian chính và các khu vực điểm nhấn trong đô thị được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho các Phòng chức năng trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn huyện.

7. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn huyện.

8. Xử lý đối với các công trình cấp III, cấp IV hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp trên địa bàn huyện.

9. Chủ trì giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp III trên địa bàn huyện.

Điều 8. Trách nhiệm của Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn huyện.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với dự án theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Quy định này được xây dựng trên địa bàn huyện.

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Quy định này được xây dựng trên địa bàn huyện.

4. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Quy định này được xây dựng trên địa bàn huyện.

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm c, d, đ và e Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Quy định này được xây dựng trên địa bàn huyện.

5. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) đối với dự án theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Quy định này có công trình xây dựng từ cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn huyện.

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) đối với dự án theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Quy định này có công trình xây dựng từ cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn huyện.

6. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng cấp III, cấp IV thuộc đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư được xây dựng trên địa bàn huyện.

7. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng, đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý đối với các công trình cấp III, cấp IV hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp được xây dựng trên địa bàn huyện.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp III được xây dựng trên địa bàn huyện.

10. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn huyện khi có yêu cầu.

11. Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hằng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phân công tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn xã.

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng do mình quyết định đầu tư, chủ đầu tư.

3. Phối hợp với Phòng chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

4. Báo cáo và giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 47, Điều 48 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ hằng năm, đột xuất việc tuân thủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn xã.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Giao Sở Xây dựng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
ỦY CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm